

Số: 245/QĐ-SNV

Ninh Bình, ngày 19 tháng 9 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
Về việc công bố công khai cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình

GIÁM ĐỐC SỞ NỘI VỤ TỈNH NINH BÌNH

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách Nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 645/QĐ-UBND ngày 28/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc cắt giảm, tiết kiệm 5% chi thường xuyên ngân sách;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu cắt giảm, tiết kiệm 5% dự toán ngân sách Nhà nước năm 2024 của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình.

(Chi tiết theo biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh Văn phòng, Trưởng các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở Nội vụ, các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Tài chính;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, VP.

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Thị Bình

Đơn vị: Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình
Chương: 435

BIỂU CÔNG KHAI CẮT GIẢM, TIẾT KIỆM DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024

(Kèm theo Quyết định số 245/QĐ-SNV ngày 19 tháng 9 năm 2024 của Sở Nội vụ tỉnh Ninh Bình)

ĐVT: đồng

Stt	Nội dung	Tổng số được giao điều chỉnh	Tổng số đã điều chỉnh	Trong đó			
				Văn phòng Sở Nội vụ	Ban Thi đua - Khen thưởng	Ban Tôn giáo	Trung tâm Lưu trữ lịch sử
A	Dự toán chi ngân sách Nhà nước	378.000.000	378.000.000	57.000.000	23.000.000	45.000.000	253.000.000
1	Quản lý hành chính	125.000.000	125.000.000	57.000.000	23.000.000	45.000.000	
	Chi thường xuyên giao tự chủ	55.000.000	55.000.000	13.000.000	21.000.000	21.000.000	
	Chi thường xuyên không giao tự chủ	70.000.000	70.000.000	44.000.000	2.000.000	24.000.000	
2	Sự nghiệp kinh tế	253.000.000	253.000.000	0	0	0	253.000.000
	Chi thường xuyên giao tự chủ	45.000.000	45.000.000				45.000.000
	Chi thường xuyên không giao tự chủ	208.000.000	208.000.000				208.000.000